

Số: 2393 /QĐ-UBND

Bến Tre, ngày 23 tháng 12 năm 2013

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị
Trung tâm xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre
(Giai đoạn đến năm 2025)

VP. UBND - HUYỆN GIỒNG TRÔM
Số: 20
Ngày: 27/01/2014
Chuyển: Sacy
Lưu hồ sơ số:

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật quy hoạch đô thị ngày 17 tháng 6 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị;

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 190/TTr-SXD ngày 19 tháng 12 năm 2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt đồ án quy hoạch chung xây dựng trung tâm xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre (giai đoạn đến năm 2025) với những nội dung chủ yếu sau:

1. Phạm vi và ranh giới đô thị: Khu vực quy hoạch phát triển chủ yếu tại khu vực trung tâm xã Mỹ Thạnh hiện hữu, ranh giới cụ thể như sau:

- Phía Bắc cách Đường tỉnh 885 khoảng 350m - 700m;
- Phía Đông giáp ranh giới xã Lương Hòa;
- Phía Nam giáp sông Giồng Trôm;
- Phía Tây cách trụ sở Ủy ban nhân dân xã hiện hữu khoảng 600m.
(Ranh giới cụ thể theo bản vẽ đính kèm).

2. Tính chất của đô thị

- Đô thị trung tâm xã Mỹ Thạnh sẽ phát triển thành đô thị loại V, là trung tâm kinh tế, văn hóa, thương mại dịch vụ của khu vực;

- Đô thị trung tâm xã Mỹ Thạnh còn là đô thị vệ tinh của thị trấn Giồng Trôm.

3. Quy mô dân số, đất đai đô thị

a) Quy mô dân số:

- Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2020 là 6.000 người;
- Giai đoạn dài hạn đến năm 2025 là 10.000 người.

b) Quy mô đất đai xây dựng đô thị:

- Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2020 là 62,13ha;
- Giai đoạn dài hạn đến năm 2025 là 90,48ha.

4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật và hướng phát triển đô thị



- a) Các chỉ tiêu kỹ thuật:
 - Chỉ tiêu diện tích sàn: 12 - 15 m²/người.
 - Chỉ tiêu đất dân dụng: 86,09 m²/người.
 - + Chỉ tiêu đất ở: 48,31 m²/người;
 - + Chỉ tiêu đất công trình công cộng đô thị: 9,82 m²/người;
 - + Chỉ tiêu đất giao thông: 20,39 m²/người;
 - + Chỉ tiêu đất công viên cây xanh, thể dục thể thao: 8,05 m²/người.
 - Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật:
 - + Chỉ tiêu cấp điện: 330 Wh/người;
 - + Chỉ tiêu cấp nước: 100lít/người/ngày;
 - + Chỉ tiêu thu rác: 1,0 kg/người/ngày.

b) Hướng phát triển đô thị: định hướng phát triển không gian đô thị chủ yếu trên hệ khung giao thông hiện có là đường tỉnh 885, trục liên xã Mỹ Thạnh - Phong Năm và các khu vực công cộng, dân cư hiện hữu. Trên cơ sở đó phát triển thêm các trục giao thông chính, trục giao thông nội bộ, trục giao thông đối ngoại, trục cảnh quan ven sông. Điểm nhấn chủ đạo của đô thị là khu vực tổ chức các công trình công cộng.

5. Cơ cấu tổ chức không gian đô thị

a) Khu dân cư: được phân thành 2 đơn vị ở (quy mô khoảng 5000 người/đơn vị), mỗi đơn vị ở có trung tâm riêng gồm các công trình như: nhà trẻ, mẫu giáo, trường cấp 1, trạm y tế, sân tập thể dục thể thao,... có bán kính phục vụ khoảng 500m. Cụ thể như sau:

- Trung tâm đơn vị ở 1 (ký hiệu TT1): quy mô 0,22ha, được bố trí phía Tây Bắc đô thị, tại khu đất sân vận động Mỹ Thạnh hiện hữu. Dự kiến bố trí 01 sân luyện tập thể thao.

- Trung tâm đơn vị ở 2 (ký hiệu TT2): quy mô 1,20ha, nằm phía Đông đô thị, giáp khu đất trung tâm hành chính xã. Dự kiến bố trí các công trình: trường mầm non, sân thể dục thể thao, trạm y tế.

b) Hệ thống các công trình công cộng:

- Khu hành chính (ký hiệu HC): quy mô 2,60ha, được bố trí phía Đông Nam đô thị, nằm trên tuyến đường tỉnh 885. Dự kiến bố trí các công trình: cơ quan, ban ngành, tổ chức, đoàn thể.

- Khu văn hóa (ký hiệu VH): quy mô 3,32ha, bao gồm các công trình: thư viện, nhà triển lãm, nhà văn hóa,... bố trí liên hoàn nối kết khu hành chính.

- Khu giáo dục (ký hiệu GD1, GD2, GD3): quy mô 2,85ha, được bố trí phía Tây đô thị, trên cơ sở mở rộng các khu đất giáo dục hiện hữu. Dự kiến bố trí các công trình: trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở.

- Khu y tế (ký hiệu YT): quy mô 0,41ha, chức năng là phòng khám đa khoa khu vực, được bố trí tại khu đất trạm cấp nước hiện hữu.

- Khu thương mại (ký hiệu TM1, TM2): quy mô 0,90ha, bố trí tại khu vực Ủy ban xã và chợ Mỹ Lồng hiện hữu, mở rộng về phía sông Giồng Trôm.

c) Khu trung tâm thể dục thể thao, công viên cây xanh:

- Khu thể dục thể thao (ký hiệu TDTT): quy mô 5,66ha, bố trí phía Đông Bắc đô thị giáp khu văn hóa và khu hành chính đô thị, bao gồm: sân vận động, liên hợp các công trình thể dục thể thao trong và ngoài nhà.

- Công viên cây xanh (ký hiệu CX1, CX2, CX3, CX4, CX5): diện tích 2,39ha, được bố trí chủ yếu cặp sông Giồng Trôm, phía Nam đô thị.

d) Khu đất tiểu thủ công nghiệp (ký hiệu TTCN): quy mô 1,36ha, được bố trí chủ yếu về phía Tây đô thị, giáp sông Giồng Trôm trên nền các cơ sở tiểu thủ công nghiệp hiện hữu.

e) Công trình hạ tầng kỹ thuật (ký hiệu HTKT1, HTKT2, HTKT3): diện tích 0,79ha, bố trí chủ yếu dọc sông Giồng Trôm, cạnh vị trí công viên cây xanh.

f) Đất công trình tôn giáo: diện tích 1,40 ha, chủ yếu trên cơ sở giữ nguyên hiện trạng.

g) Đất nghĩa trang: diện tích 0,36ha, được quy hoạch tập trung dựa trên các khu nghĩa địa hiện hữu cải tạo, chỉnh trang cho phù hợp cảnh quan đô thị.

6. Cơ cấu sử dụng đất

a) Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất: quy hoạch giai đoạn dài hạn; quy mô dân số 10.000 người:

STT	LOẠI ĐẤT	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Đất dân dụng	86,09	95,15
1	Đất đơn vị ở	48,31	
2	Đất công cộng đô thị	9,82	
3	Đất giao thông, quảng trường	20,39	
4	Đất công viên, TDTT- cây xanh đô thị	8,05	
II	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật đô thị	0,79	0,87
III	Đất tiểu thủ công nghiệp	1,36	1,50
IV	Đất tôn giáo, nghĩa trang, đất khác	2,24	2,48
Cộng		90,48	100

b) Bảng tổng hợp quy hoạch sử dụng đất: quy hoạch giai đoạn ngắn hạn; quy mô dân số 6.000 người:

STT	LOẠI ĐẤT	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Đất dân dụng	58,19	93,66
1	Đất đơn vị ở	25,87	
2	Đất công cộng đô thị	9,82	
3	Đất giao thông, quảng trường	15,00	
4	Đất công viên, TDTT- cây xanh đô thị	7,84	
II	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật đô thị	0,79	1,27
III	Đất tiểu thủ công nghiệp	1,36	2,19
IV	Đất tôn giáo, nghĩa trang, đất khác	1,79	2,88
Cộng		62,13	100

7. Quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị

a) Chuẩn bị kỹ thuật:

Quy hoạch cao độ xây dựng:

- Cao độ xây dựng: $h \geq +2,30m$.

- Các khu vực trong phạm vi quy hoạch có hiện trạng cao hơn +2,30m thì vẫn giữ theo hiện trạng. Đối với các khu vực khác sẽ tiến hành san lấp mặt

nền theo từng giai đoạn, từng dự án, đảm bảo tuân thủ cao độ xây dựng và hướng dốc mặt nền chung.

- Tổng khối lượng san lấp: khoảng 1,0 triệu m³.

Quy hoạch thoát nước mưa:

- Nguồn tiếp nhận: là các sông rạch tự nhiên trong khu vực như sông Giồng Trôm.

- Giải pháp thiết kế:

+ Giai đoạn ngắn hạn: sử dụng hệ thống thoát nước chung, nước thải thoát chung với nước mưa;

+ Giai đoạn dài hạn: sử dụng hệ thống thoát nước riêng không hoàn toàn, nước thải thoát chung với nước mưa, trước khi thải ra nguồn tiếp nhận nước thải được tách riêng với nước mưa bằng giếng tách dòng và được dẫn về trạm xử lý nước thải cục bộ của khu vực;

+ Mạng lưới sử dụng cống thoát nước bê tông ly tâm đường kính từ D800 – D2000. Độ dốc cống đảm bảo độ dốc tự làm sạch $i \geq i_{min} = 1/D$.

- Khối lượng: tổng chiều dài đường cống : khoảng 17,65 km.

b) Quy hoạch giao thông:

- Chỉ tiêu kỹ thuật:

+ Tổng diện tích đất giao thông: khoảng 20,39ha, chiếm 22,5% diện tích quy hoạch;

+ Diện tích đất giao thông bình quân theo đầu người: 20,4 m²/người;

+ Mật độ mạng lưới đường: khoảng 12 km/km².

- Giải pháp thiết kế phân theo 3 cấp đường: đô thị, khu vực và nội bộ.

Bảng thông kê mạng lưới đường giao thông

STT	TÊN ĐƯỜNG	KÝ HIỆU MẶT CÁT	LỘ GIỚI	CHIỀU RỘNG MẶT CÁT		
				LỀ TRÁI	LÒNG ĐƯỜNG	LỀ PHẢI
			(m)	(m)	(m)	(m)
I	ĐƯỜNG CẤP ĐÔ THỊ					
I.1	ĐƯỜNG ĐT.885	A-A	32	6	20	6
I.2	ĐƯỜNG ĐT.DK.05	A-A	32	6	20	6
II	ĐƯỜNG CẤP KHU VỰC					
II.1	ĐƯỜNG D3	2-2	18	4	10	4
II.2	ĐƯỜNG D5	2-2	18	4	10	4
II.3	ĐƯỜNG D9	2-2	18	4	10	4
II.4	ĐƯỜNG N4	2-2	18	4	10	4
II.5	ĐƯỜNG N5	1-1	22	5	12	5
II.6	ĐƯỜNG N6	2-2	18	4	10	4
III	ĐƯỜNG CẤP NỘI BỘ					
III.1	ĐƯỜNG D1	3-3	12	3	6	3
III.2	ĐƯỜNG D2	3-3	12	3	6	3
III.3	ĐƯỜNG D4	3-3	12	3	6	3
III.4	ĐƯỜNG D6	3-3	12	3	6	3
III.5	ĐƯỜNG D7	3-3	12	3	6	3
III.6	ĐƯỜNG D8	3-3	12	3	6	3
III.7	ĐƯỜNG D10	4-4	8	1	6	1

III.8	ĐƯỜNG D11	4-4	8	1	6	1
III.9	ĐƯỜNG D12	2-2	18	4	10	4
III.10	ĐƯỜNG N1	3-3	12	3	6	3
III.11	ĐƯỜNG N2	3-3	12	3	6	3
III.12	ĐƯỜNG N3	3-3	12	3	6	3
III.13	ĐƯỜNG N7	3-3	12	3	6	3

c) Cấp nước đô thị:

- Tổng nhu cầu nước cấp cho đô thị khoảng 1.500 m³/ngày.
- Nguồn nước: sử dụng nguồn nước sạch từ nhà máy cấp nước Lương Quới.
- Mạng lưới đường ống cấp nước: sử dụng ống cấp nước chuyên ngành uPVC đường kính D50 – D150.
- Trụ cứu hỏa được bố trí dọc theo đường giao thông đảm bảo khoảng cách từ 100m đến 150m.
- Tổng chiều dài đường ống khoảng 16,08 km.

d) Cấp điện đô thị:

- Tổng công suất phụ tải toàn đô thị: khoảng 7587 KVA;
- Nguồn cấp điện: sử dụng nguồn điện trung thế đầu nổi tại lưới trung thế hiện hữu nằm dọc đường tỉnh 885;
- Mạng lưới cấp điện: từ tuyến trung thế 22kV hiện hữu trên đường tỉnh 885 bố trí nhánh rẽ trung thế 22kV theo các tuyến đường chính để cấp điện cho toàn khu vực;

- Số máy biến áp: khoảng 33 máy;

- Tổng chiều dài đường dây cấp điện: khoảng 26,6km.

e) Thoát nước thải và vệ sinh môi trường:

- Tổng lưu lượng nước thải khoảng 1350 m³/ngày;
- Nguồn tiếp nhận nước thải: các sông rạch tự nhiên tại khu vực như sông Giồng Trôm. Bố trí 1 trạm xử lý nước thải cục bộ, công suất khoảng 1500 m³/ngày với diện tích dự kiến khoảng 1500m². Nước thải vệ sinh từ các hộ gia đình phải được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn đúng tiêu chuẩn trước khi thải vào hệ thống công chung;

- Mạng lưới sử dụng công thoát nước bê tông ly tâm đường kính từ D800-D2000 đối với công thoát nước chung, công nhựa uPVC đường kính D400 đối với công thoát nước thải;

- Chiều dài đường cống: khoảng 18,44 km;

- Tổng khối lượng rác thải khoảng 9,6 tấn/ngày;

- Bố trí 1 điểm tập kết rác, công suất khoảng 10 tấn/ngày với diện tích dự kiến khoảng 500 m².

8. Các biện pháp giảm thiểu tác động môi trường

a) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm không khí:

- Giảm sự ô nhiễm do giao thông: vệ sinh tốt các tuyến đường, đặc biệt là đường nội bộ, để giảm bụi. Đồng thời phun nước tưới mặt đường vừa giảm bụi vừa giảm bức xạ mặt trời. Nhanh chóng sửa chữa các tuyến đường ngay khi phát hiện hư hỏng;

- Giảm sự ô nhiễm do sinh hoạt của con người: khuyến khích dân cư sử dụng chất đốt sạch (gas, điện,...). Các hộ gia đình phải có nhà xí hợp vệ sinh. Nước thải từ nhà vệ sinh phải được xử lý qua bể tự hoại;

- Giảm sự ô nhiễm do các hoạt động công cộng: bố trí thùng chứa rác tạm trên các tuyến đường, khu công cộng, dịch vụ... phải có nắp đậy. Các loại rác phải được thu gom và xử lý đúng nơi quy định. Quy định các loại hoạt động thương mại dịch vụ, vui chơi giải trí thích hợp để giảm tối đa tác động đến khu ở.

b) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nước: toàn bộ nước thải trong khu vực dân cư cần thu gom đầy đủ bằng hệ thống cống ngầm. Các hộ gia đình phải có nhà xí hợp vệ sinh. Nước thải từ nhà vệ sinh phải được xử lý qua bể tự hoại 3 ngăn đúng chuẩn. Các sông rạch trong khu vực cần thường xuyên được nạo vét, không được thu hẹp hay đổi tuyến của dòng chảy, làm mất khả năng tự làm sạch của dòng sông.

c) Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm rác thải:

- Để tránh tình trạng ô nhiễm môi trường do chất thải rắn thì việc cần thiết là phải thu gom và vận chuyển toàn bộ chất thải rắn phát sinh, nghiêm cấm tình trạng đổ chất thải rắn bừa bãi xuống lòng đường, vỉa hè, kênh rạch, cống rãnh và những nơi công cộng;

- Khuyến khích phân rác tại nguồn: mỗi hộ gia đình được khuyến khích nên có từ 2-3 thùng chứa rác bằng nhựa dùng để phân loại riêng từng loại chất thải rắn.

Điều 2. Trên cơ sở quy hoạch chung được duyệt, Ủy ban nhân dân huyện Giồng Trôm có trách nhiệm:

1. Tổ chức công bố đồ án quy hoạch chung xây dựng đô thị trung tâm xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm theo quy định để các tổ chức, cá nhân biết và thực hiện.

2. Tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt nhiệm vụ, hồ sơ cắm mốc giới và triển khai cắm mốc giới theo quy định hiện hành.

3. Phối hợp các sở, ngành có chức năng liên quan quản lý việc xây dựng trong phạm vi khu vực quy hoạch đã được phê duyệt.

4. Triển khai thực hiện đồ án quy hoạch, các dự án đầu tư xây dựng theo quy hoạch và phối hợp chặt chẽ với các sở, ngành liên quan trong quá trình đầu tư xây dựng theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; giám đốc các sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường; chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Giồng Trôm; thủ trưởng các đơn vị và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận

- Như điều 3;
- CT, các PCT - UBND tỉnh;
- Các Phó CVP-NC;
- Phòng TCĐT (CQL), TH, TTTT;
- Lưu VT.



Võ Thành Hạo